

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THIÊN VIỆT

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024



CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THIÊN VIỆT

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về Doanh nghiệp	1
Báo cáo của Người đại diện theo pháp luật	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất (Mẫu số B01 – CTQ)	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Mẫu số B02 – CTQ)	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (Mẫu số B03 – CTQ)	9
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất (Mẫu số B05 – CTQ)	10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (Mẫu số B09 – CTQ)	11 - 51

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THIÊN VIỆT

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy phép thành lập và hoạt động	Số 15/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2006 và Giấy phép thành lập và hoạt động thay đổi gần nhất số 66/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 22 tháng 8 năm 2023.	
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Số 4103005793 do sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 26 tháng 12 năm 2006 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất (lần thứ nhất) số 0304756863 được cấp ngày 13 tháng 10 năm 2022.	
Hội đồng Quản trị	Bà Nguyễn Thanh Thảo Bà Trần Thị Hồng Nhung Ông Ngô Nhật Minh	Chủ tịch Thành viên (bổ nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2024) Thành viên
Ban kiểm toán nội bộ	Bà Đặng Trần Duy Khanh	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2024)
Người đại diện theo pháp luật	Bà Nguyễn Thanh Thảo	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Tổng Giám đốc	Ông Trần Vinh Quang	
Hoạt động chính	Hoạt động chính của Công ty là thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán tại Việt Nam; tư vấn tài chính và tư vấn đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.	
Trụ sở chính	Lầu 9, Tòa nhà Bitexco Nam Long, 63A Võ Văn Tần, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH PwC (Việt Nam)	

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THIÊN VIỆT

BÁO CÁO CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Trách nhiệm của Người đại diện theo pháp luật Công ty đối với báo cáo tài chính hợp nhất

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt (“Công ty”) chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Người đại diện theo pháp luật được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở Công ty và công ty con hoạt động liên tục trừ khi giả định Công ty và công ty con hoạt động liên tục là không phù hợp.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày từ Thuyết minh 2 đến Thuyết minh 4 của báo cáo tài chính hợp nhất. Người đại diện theo pháp luật của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và công ty con và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty đã ủy quyền cho Ông Đỗ Minh Tiến - Giám đốc khối Tài chính Kế toán kiêm Kế toán trưởng của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt (Công ty mẹ) để phê chuẩn và ký báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 theo Giấy Ủy quyền ngày 2 tháng 12 năm 2024.

Phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất

Theo đây, tôi phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm từ trang 5 đến trang 51. Báo cáo tài chính hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất áp dụng cho các công ty quản lý quỹ hoạt động tại Việt Nam.



Đỗ Minh Tiến

Giám đốc khối Tài chính Kế toán kiêm Kế toán trưởng, Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt (Công ty mẹ)

Chữ ký được ủy quyền

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 20 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP **GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THIÊN VIỆT**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt (“Công ty”) và công ty con được lập ngày 31 tháng 12 năm 2024, và được Người đại diện theo pháp luật của Công ty phê chuẩn ngày 20 tháng 3 năm 2025. Báo cáo tài chính hợp nhất này bao gồm: bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu, từ trang 5 đến trang 51.

Trách nhiệm của Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất áp dụng cho các công ty quản lý quỹ hoạt động tại Việt Nam và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Người đại diện theo pháp luật xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Người đại diện theo pháp luật, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất áp dụng cho các công ty quản lý quỹ hoạt động tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)



Nguyễn Hoàng Nam
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0849-2023-006-1
Chữ ký được ủy quyền



Đào Trọng Hoàng
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
5620-2021-006-1

Số hiệu báo cáo: HCM16334
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2024 VND	2023 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		575.411.525.868	5.663.065.093.984
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	6.1	3.956.629.083	163.938.037.595
111	Tiền		956.629.083	63.938.037.595
112	Các khoản tương đương tiền		3.000.000.000	100.000.000.000
120	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		313.358.989.414	5.103.401.385.318
121	Đầu tư ngắn hạn	6.2(a)	313.358.989.414	5.103.401.385.318
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		257.912.428.260	395.519.734.432
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.3	218.922.886.900	44.194.666.421
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn		73.876.185	337.620.340
134	Phải thu từ hoạt động nghiệp vụ	6.4	27.665.764.544	13.707.806.101
135	Phải thu ngắn hạn khác	6.5(a)	11.249.900.631	337.279.641.570
150	Tài sản ngắn hạn khác		183.479.111	205.936.639
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		43.116.337	136.448.630
152	Thuế giá trị gia tăng ("GTGT") được khấu trừ	6.6(a)	140.362.774	69.488.009
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		408.750.470.045	1.913.456.178.485
210	Các khoản phải thu dài hạn		3.672.463.030	-
218	Phải thu dài hạn khác	6.5(b)	3.672.463.030	-
220	Tài sản cố định		1.051.508.807	2.121.495.240
221	Tài sản cố định hữu hình		58.032.139	1.177.811.907
222	Nguyên giá		133.156.999	1.266.307.000
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(75.124.860)	(88.495.093)
227	Tài sản cố định vô hình		774.716.668	726.683.333
228	Nguyên giá		959.000.000	739.000.000
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(184.283.332)	(12.316.667)
230	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		218.760.000	217.000.000
250	Đầu tư tài chính dài hạn		403.630.905.260	1.909.218.077.700
252	Đầu tư vào công ty liên kết	6.2(b)	99.155.659.397	-
258	Đầu tư dài hạn khác	6.2(c)	304.475.245.863	1.909.218.077.700
260	Tài sản dài hạn khác		395.592.948	2.116.605.545
261	Chi phí trả trước dài hạn		364.088.069	400.491.529
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	1.546.805.619
268	Tài sản dài hạn khác		31.504.879	169.308.397
270	TỔNG TÀI SẢN		984.161.995.913	7.576.521.272.469

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 51 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2024 VND	2023 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		552.246.618.814	7.136.088.489.647
310	Nợ ngắn hạn		552.246.618.814	6.952.618.489.647
311	Vay ngắn hạn	6.10(a)	2.300.000.000	8.000.000.000
312	Phải trả người bán ngắn hạn	6.7	490.959.243.093	75.401.329.424
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	6.6(b)	29.243.925.253	14.090.042.942
315	Phải trả người lao động	6.8	3.751.800.000	5.759.588.095
316	Chi phí phải trả ngắn hạn		137.756.164	6.728.106.820
319	Phải trả ngắn hạn khác	6.9(a)	25.225.500.000	6.830.661.693.777
323	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	6.11	628.394.304	5.671.167.193
328	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	6.306.561.396
330	Nợ dài hạn		-	183.470.000.000
333	Phải trả dài hạn khác	6.9(b)	-	100.000.000.000
334	Vay dài hạn	6.10(b)	-	83.470.000.000
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		431.915.377.099	440.432.782.822
410	Vốn chủ sở hữu		431.915.377.099	440.432.782.822
411	Vốn góp của chủ sở hữu	6.12, 6.13	125.000.000.000	125.000.000.000
418	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	6.13	1.755.891.311	1.755.891.311
419	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	6.13	1.755.891.311	1.755.891.311
420	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	6.13	301.103.308.667	275.313.370.463
420a	- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước		163.338.656.189	181.781.691.011
420b	- LNST chưa phân phối của năm nay		137.764.652.478	93.531.679.452
429	Lợi ích cổ đông không kiểm soát		2.300.285.810	36.607.629.737
440	TỔNG NGUỒN VỐN		984.161.995.913	7.576.521.272.469

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 51 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Tại ngày	
			31.12.2024 VND	31.12.2023 VND (Trình bày lại)
006	Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ		-	32.500.000.000
	Trong đó			
007	Chứng khoán giao dịch (theo mệnh giá)		-	32.500.000.000
020	Chứng khoán chưa lưu ký của công ty quản lý quỹ (theo mệnh giá)		-	4.051.040.000
030	Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác		76.280.898.687	69.243.503.425
031	Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước		76.279.751.326	69.240.738.025
032	Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác nước ngoài		1.147.361	2.765.400
040	Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác		9.840.171.250.000	2.347.665.024.866
041	Nhà đầu tư ủy thác trong nước	6.14(a)(i)	9.837.773.398.565	2.345.267.173.431
042	Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	6.14(a)(ii)	2.397.851.435	2.397.851.435
050	Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	6.14(b)	275.210.494.629	87.791.179.157
051	Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	6.14(c)	39.282.727.208	15.694.130.937



Phạm Uyên Vy
Người lập



Nguyễn Thị Anh Tú
Kế toán trưởng



Đỗ Minh Tiến
Giám đốc khối Tài chính Kế toán
kiêm Kế toán trưởng (Công ty mẹ)
Chữ ký được ủy quyền
Ngày 20 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
			2024 VND	2023 VND
01	Doanh thu về hoạt động kinh doanh		42.089.937.807	23.947.231.540
10	Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	6.15	42.089.937.807	23.947.231.540
11	Chi phí hoạt động kinh doanh	6.16	(14.341.637.785)	(19.610.400.867)
20	Lợi nhuận gộp về hoạt động kinh doanh		27.748.300.022	4.336.830.673
21	Doanh thu hoạt động tài chính	6.17	446.692.340.160	572.408.831.038
22	Chi phí tài chính	6.18	(237.628.813.239)	(433.274.826.494)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	6.18	(4.253.773.150)	(28.132.931.361)
24	Phần lãi trong công ty liên kết	6.2(b)	11.339.259.397	-
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp	6.19	(19.692.629.160)	(16.661.957.214)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		228.458.457.180	126.808.878.003
31	Thu nhập khác		5.882.753	18.803.174
32	Chi phí khác		(1.355.967.542)	(50.000.000)
40	Lỗ khác		(1.350.084.789)	(31.196.826)
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		227.108.372.391	126.777.681.177
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") - hiện hành	6.20	(43.018.152.345)	(25.703.856.584)
52	(Chi phí)/thu nhập thuế TNDN - hoãn lại	6.20	(287.605.618)	304.787.567
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN		183.802.614.428	101.378.612.160
Phân bổ cho:				
61	Chủ sở hữu của công ty		178.389.652.478	93.531.679.452
62	Cổ đông không kiểm soát		5.412.961.950	7.846.932.708
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.21	14.271	7.483



Phạm Uyên Vy
Người lập



Nguyễn Thị Anh Tú
Kế toán trưởng



Đỗ Minh Tiến
Giám đốc khối Tài chính Kế toán
kiêm Kế toán trưởng (Công ty mẹ)
Chữ ký được ủy quyền
Ngày 20 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)

		Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm		
Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	2024 VND	2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế		227.108.372.391	126.777.681.177
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")		341.868.444	79.003.672
03	Hoàn nhập dự phòng		-	(1.792.296.696)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(457.809.087.228)	(551.670.593.567)
06	Chi phí lãi vay	6.18	4.253.773.150	28.132.931.361
08	Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động		(226.105.073.243)	(398.473.274.053)
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu		(652.875.023.677)	350.623.931.453
11	Tăng các khoản phải trả		2.316.408.054.818	2.565.550.099.367
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước		(192.882.163)	67.402.887
13	Tiền lãi vay đã trả		(243.449.863)	(24.547.885.751)
14	Thuế TNDN đã nộp	6.6	(14.901.176.489)	(20.834.016.659)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		1.422.090.449.383	2.472.386.257.244
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	Tiền chi để mua sắm TSCĐ		(1.350.429.999)	(2.157.950.000)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		863.636.364	-
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(7.251.219.864.130)	(11.225.402.610.010)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán các công cụ nợ của đơn vị khác		5.361.680.135.400	8.748.232.521.727
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(168.972.348.932)	(150.955.112.199)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		433.929.421.005	148.029.993.425
27	Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia		195.639.655.811	433.747.597.971
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(1.429.429.794.481)	(2.048.505.559.086)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	Tiền thu từ nhận vốn góp từ cổ đông		-	6.975.000.000
33	Tiền thu từ đi vay	6.10	2.300.000.000	498.037.500.000
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	6.10	(8.000.000.000)	(813.532.500.000)
36	Tiền chi trả cổ tức cho cổ đông		(146.942.063.414)	-
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính		(152.642.063.414)	(308.520.000.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(159.981.408.512)	115.360.698.158
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	6.1	163.938.037.595	48.577.339.437
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	6.1	3.956.629.083	163.938.037.595

Các thông tin liên quan tới báo cáo lưu chuyển tiền tệ ("BCLCTT") hợp nhất được trình bày tại Thuyết minh 6.22.



Phạm Uyên Vy
Người lập



Nguyễn Thị Anh Tú
Kế toán trưởng



Đỗ Minh Tiến
Giám đốc khối Tài chính Kế toán
kiêm Kế toán trưởng (Công ty mẹ)
Chữ ký được ủy quyền
Ngày 20 tháng 3 năm 2025

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 51 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THIÊN VIỆT

Mẫu số B05 – CTQ

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU HỢP NHẤT

Chi tiêu	Thuyết minh	Tại ngày		Năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2023		Năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2024		Tại ngày	
		1.1.2023 VND	1.1.2024 VND	Tăng VND	Giảm VND	Tăng VND	Giảm VND	31.12.2023 VND	31.12.2024 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	6.12, 6.13	125.000.000.000	125.000.000.000	-	-	-	-	125.000.000.000	125.000.000.000
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	6.13	1.755.891.311	1.755.891.311	-	-	-	-	1.755.891.311	1.755.891.311
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	6.13	1.755.891.311	1.755.891.311	-	-	-	-	1.755.891.311	1.755.891.311
Lợi nhuận chưa phân phối	6.13	181.781.691.011	275.313.370.463	93.531.679.452	-	192.262.434.936	(166.472.496.732)	275.313.370.463	301.103.308.667
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	6.13	21.785.697.029	36.607.629.737	14.821.932.708	-	5.412.961.950	(39.720.305.877)	36.607.629.737	2.300.285.810
		332.079.170.662	440.432.782.822	108.353.612.160	-	197.675.396.886	(206.192.802.609)	440.432.782.822	431.915.377.099



Phạm Uyên Vy
Người lập



Nguyễn Thị Anh Tú
Kế toán trưởng




Đỗ Minh Tiến
Giám đốc khối Tài chính Kế toán kiêm
Kế toán trưởng (Công ty mẹ)
Chữ ký được ủy quyền
Ngày 20 tháng 3 năm 2025

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 51 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY VÀ CÔNG TY CON

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt ("Công ty") (tên trước đây là "Công ty Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán An Phúc"), là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 15/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp ngày 28 tháng 12 năm 2006 và Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 66/GPĐC-UBCK cấp ngày 22 tháng 8 năm 2023. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đầu tiên số 4103005793 vào ngày 26 tháng 12 năm 2006. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất (lần thứ nhất) để đăng ký thay đổi mã số doanh nghiệp thành 0304756863 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 13 tháng 10 năm 2022.

Cổ đông lớn nhất của Công ty là Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt ("TVS"). Chi tiết về tỷ lệ phần trăm góp vốn được trình bày ở Thuyết minh 6.12.

Hoạt động chính của Công ty là thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán tại Việt Nam, tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư và ủy thác đầu tư.

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty và công ty con là 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty và công ty con có 19 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 22 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THIÊN VIỆT

Mẫu số B09 – CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY VÀ CÔNG TY CON (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 1 công ty con trực tiếp như sau:

STT	Tên	Hoạt động chính	Địa điểm	31.12.2024		31.12.2023	
				Tỷ lệ quyền sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết %	Tỷ lệ quyền sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết %
1	Công ty con trực tiếp Công ty Cổ phần Camellia Wealth ("Camellia") (*)	Tư vấn quản lý	Lầu 7, Tòa nhà Bitexco Nam Long, số 63A Võ Văn Tần, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	98,49	98,49	35,50	84,50
2	Công ty Cổ phần Finsight ("Finsight") (**)	Hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đầu	Lầu 7, Tòa nhà Bitexco Nam Long, số 63A Võ Văn Tần, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	-	-	91,37	91,37

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 1 công ty liên kết như sau:

STT	Tên	Hoạt động chính	Địa điểm	31.12.2024		31.12.2023	
				Tỷ lệ quyền sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết %	Tỷ lệ quyền sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết %
1	Công ty liên kết Finsight (**)	Hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đầu	Lầu 7, Tòa nhà Bitexco Nam Long, số 63A Võ Văn Tần, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	48,69	48,69	-	-

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Camellia là công ty con trực tiếp của Công ty (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: Camellia là công ty con của Công ty do bao gồm tỷ lệ quyền sở hữu trực tiếp của Finsight là 49%). Theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 25 tháng 6 năm 2024, Công ty đã mua lại số cổ phần sở hữu tại Camellia từ Finsight với tổng giá trị chuyển nhượng là 28 tỷ Đồng (Thuyết minh 5.1).

(**) Theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 26 tháng 6 năm 2024, Công ty đã bán 42,68% cổ phần sở hữu tại Finsight với tổng giá trị chuyển nhượng là 78.138.354.000 Đồng. Chênh lệch giữa tổng giá trị chuyển nhượng và giá trị tài sản thuần của khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất (Thuyết minh 5.2).

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THIÊN VIỆT

Mẫu số B09 – CTQ

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY VÀ CÔNG TY CON (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty đang quản lý các quỹ đầu tư sau:

	Hoạt động chính	Giấy chứng nhận đăng ký	Vốn điều lệ VND	Giá trị tài sản ròng tại ngày 31.12.2024 VND	Giá trị tài sản ròng tại ngày 31.12.2023 VND
Quỹ Đầu tư tăng trưởng Thiên Việt 3	Quỹ đóng	01/2021/GCNCCQ-VSD cấp ngày 17 tháng 9 năm 2021	199.008.000.000	208.044.899.253	240.727.139.205
Quỹ Đầu tư tăng trưởng Thiên Việt 4	Quỹ đóng	01/2022/GCNCCQ-VSD cấp ngày 28 tháng 7 năm 2022	200.600.000.000	204.589.871.263	238.765.882.067
Quỹ Đầu tư tăng trưởng Thiên Việt 5	Quỹ đóng	01/2023/GCNCCQ-VSD cấp ngày 5 tháng 12 năm 2023	172.800.000.000	175.461.789.823	184.879.242.879

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024**

2 NĂM TÀI CHÍNH VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty và công ty con bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Công ty và công ty con sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam (“Đồng” hoặc “VND”).

3 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất áp dụng cho các công ty quản lý quỹ hoạt động tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

3.2 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

(a) Công ty con

Công ty con là những doanh nghiệp mà Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát đã chuyển giao cho Công ty. Việc hợp nhất chấm dứt kể từ lúc quyền kiểm soát không còn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024**

3 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.2 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (tiếp theo)

(a) Công ty con (tiếp theo)

Phương pháp kế toán mua được Công ty sử dụng để hạch toán việc mua công ty con. Chi phí mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, công cụ vốn được phát hành và các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận tại ngày diễn ra việc trao đổi, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua. Các tài sản xác định được, nợ phải trả và những khoản nợ tiềm tàng đã được thừa nhận khi hợp nhất kinh doanh được xác định trước hết theo giá trị hợp lý tại ngày mua không kể đến lợi ích của cổ đông không kiểm soát. Khoản vượt trội giữa chi phí mua so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị tài sản thuần được xem là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý tài sản thuần lớn hơn chi phí mua, phần chênh lệch được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Trong giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, khi xác định lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua giá rẻ, giá phí khoản đầu tư vào công ty con được tính là tổng của giá phí tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày công ty mẹ kiểm soát công ty con.

Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh giữa các công ty trong cùng nhóm được loại trừ khi hợp nhất.

Chính sách kế toán của công ty con cũng thay đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được Công ty mẹ áp dụng.

Báo cáo tài chính của các công ty sử dụng để hợp nhất phải được lập cho cùng một năm tài chính.

(b) Nghiệp vụ và lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Công ty áp dụng chính sách cho các nghiệp vụ đối với cổ đông không kiểm soát giống như nghiệp vụ với các bên không thuộc Công ty.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Những giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào LNST chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Những giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Công ty trong công ty con dẫn đến việc mất quyền kiểm soát đối với công ty con, thì chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Phần sở hữu còn lại trong công ty này sẽ được hạch toán như một khoản đầu tư tài chính thông thường hoặc kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ khi công ty mẹ không còn nắm quyền kiểm soát công ty con.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024****3 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)****3.2 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (tiếp theo)****(c) Công ty liên kết**

Công ty liên kết là tất cả các doanh nghiệp trong đó Công ty và công ty con có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết ở doanh nghiệp đó. Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Khoản đầu tư của Công ty và công ty con vào công ty liên kết bao gồm lợi thế thương mại phát sinh khi đầu tư, trừ đi những khoản giảm giá tài sản lũy kế.

Lợi nhuận của Công ty và công ty con được chia sau khi đầu tư vào công ty liên kết sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các khoản thay đổi lũy kế sau khi đầu tư công ty liên kết được điều chỉnh vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Khi phần lỗ trong liên kết bằng hoặc vượt quá lợi ích của Công ty và công ty con trong công ty liên kết, Công ty và công ty con sẽ không ghi nhận khoản lỗ vượt đó trừ khi đã phát sinh nghĩa vụ hoặc đã thanh toán hộ cho công ty liên kết.

Các chính sách kế toán của công ty liên kết được thay đổi khi cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán mà Công ty và công ty con áp dụng.

Các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ giữa Công ty và công ty con với công ty liên kết sẽ được loại trừ tới mức tương ứng với phần lợi ích của Công ty và công ty con trong công ty liên kết theo quy định kế toán hiện hành.

3.3 Hệ thống và hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty và công ty con sử dụng hình thức nhật ký chung để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và các khoản đầu tư có kỳ đáo hạn ban đầu không quá 3 tháng.

Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác gửi tại ngân hàng thanh toán trên cơ sở hợp đồng ủy thác đầu tư được ký kết giữa nhà đầu tư ủy thác và Công ty quản lý Quỹ để Công ty quản lý Quỹ thực hiện đầu tư cho nhà đầu tư ủy thác được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024****4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****4.2 Các khoản đầu tư tài chính****(a) Đầu tư tài chính**

Căn cứ theo mục đích nắm giữ, các khoản đầu tư các tài sản tài chính được phân loại là chứng khoán kinh doanh và đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Chứng khoán kinh doanh là loại chứng khoán do Công ty và công ty con nắm giữ cho mục đích kinh doanh, được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua chứng khoán kinh doanh. Thời điểm ghi nhận chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty và công ty con có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh;
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm Công ty và công ty con chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Sau đó, Người đại diện theo pháp luật thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán kinh doanh được lập khi giá trị ghi sổ cao hơn giá trị thị trường của các khoản chứng khoán kinh doanh này. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Lãi hoặc lỗ từ việc thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: khoản đầu tư vào cổ phần ưu đãi cổ tức và hoàn lại nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư; các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác với mục đích thu lãi hàng kỳ theo khế ước giữa các bên; và các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu. Công ty và công ty con có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn các khoản đầu tư này.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Người đại diện pháp luật thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính. Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày của bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn.

(b) Đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty liên kết được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất (Thuyết minh 3.2).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024**

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.3 Các khoản phải thu khách hàng và phải thu hoạt động nghiệp vụ

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu phát sinh từ giao dịch cung cấp dịch vụ; các khoản phải thu các quỹ đầu tư và nhà đầu tư phát sinh từ các hoạt động nghiệp vụ của công ty quản lý quỹ và các khoản phải thu khác không liên quan đến giao dịch cung cấp dịch vụ và các hoạt động nghiệp vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất ước tính có thể xảy ra. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm tài chính. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tới ngày đến hạn thu hồi.

4.4 TSCĐ

TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí kinh doanh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm tài chính.

Khấu hao

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản như sau:

Phương tiện vận tải	6 năm
Phần mềm	5 năm
Thiết bị quản lý	3 năm

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ do thanh lý nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024****4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****4.5 Hợp đồng hợp tác kinh doanh**

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (“BCC”) là thỏa thuận giữa công ty con với các đối tác bằng hợp đồng để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập (Thuyết minh 6.9) như sau:

- BCC quy định các bên tham gia BCC được chia một khoản lợi nhuận cố định. Các khoản tiền nhận từ đối tác theo các hợp đồng BCC được ghi nhận là một khoản phải trả trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ủy thác cho công ty quản lý quỹ thực hiện đầu tư vào các tài sản tài chính để tạo ra thu nhập cố định. Công ty con hạch toán doanh thu tài chính tương ứng với thu nhập được tạo ra từ các tài sản này. Các khoản lợi nhuận cố định trả cho đối tác được công ty con hạch toán là chi phí tài chính.
- BCC quy định các bên tham gia BCC được phân chia lợi nhuận theo kết quả hoạt động. Công ty con ghi nhận toàn bộ doanh thu và chi phí liên quan đến BCC, sau đó phân bổ tỷ lệ thu nhập thuần (sau khi trừ doanh thu và chi phí) cho các bên tham gia BCC trong năm tài chính.

4.6 Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chi phí trả trước ngắn hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ; hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh kể từ ngày trả trước. Chi phí trả trước dài hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ; hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh kể từ ngày trả trước. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

4.8 Nợ phải trả

Các khoản phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tới ngày đến hạn thanh toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024****4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****4.9 Vay**

Vay bao gồm các khoản tiền vay từ các đối tượng khác tại thời điểm báo cáo.

Các khoản vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tới ngày đến hạn thanh toán.

Chi phí đi vay được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

4.10 Phải trả người lao động

Phải trả người lao động bao gồm tiền lương kinh doanh phải trả cho người lao động.

4.11 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm tài chính nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí kinh doanh trong năm tài chính.

4.12 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản doanh thu nhận trước cho một hay nhiều năm tài chính chủ yếu bao gồm lãi tiền gửi đã nhận trước chờ phân bổ từ các hợp đồng tiền gửi. Khi các điều kiện ghi nhận doanh thu được thỏa mãn, doanh thu chưa thực hiện sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm tài chính tương ứng với phần thỏa mãn điều kiện ghi nhận doanh thu đó.

4.13 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty và công ty con có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phải trả phải lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng phải trả đã lập chưa sử dụng ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024****4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****4.14 Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

LNST chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi) sau thuế TNDN của Công ty và công ty con tại thời điểm báo cáo.

4.15 Phân chia lợi nhuận

Cổ tức của Công ty và công ty con được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính mà cổ tức được Đại hội đồng Cổ đông thông qua.

LNST TNDN có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty và công ty con và các quy định của pháp luật Việt Nam. Công ty trích lập các quỹ sau:

(a) Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ

Từ ngày 1 tháng 2 năm 2022, Thông tư 114/2021/TT-BTC do Bộ Tài chính ban ngày 17 tháng 12 năm 2021 chính thức có hiệu lực, theo đó:

- Chế độ tài chính đối với công ty quản lý quỹ theo Thông tư 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 được bãi bỏ toàn bộ.
- Đối với số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích lập theo Thông tư 146/2014/TT-BTC, Công ty sẽ bổ sung vốn điều lệ theo Luật Chứng khoán 2019, các văn bản hướng dẫn và Điều lệ hoạt động của Công ty.
- Đối với số dư quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích lập theo Thông tư 146/2014/TT-BTC, Công ty sẽ bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Luật Chứng khoán 2019 và các văn bản hướng dẫn, và Điều lệ hoạt động của Công ty, đảm bảo đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính theo quy định của pháp luật chứng khoán.

Trước ngày 1 tháng 2 năm 2022:

- Theo Thông tư 146/2014/TT-BTC, công ty quản lý quỹ phải trích lập quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ ở mức 5% lợi nhuận sau thuế TNDN cho mỗi quỹ vào mỗi năm có lợi nhuận cho đến khi mỗi quỹ này đạt 10% vốn điều lệ.
- Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích lập để sử dụng bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại về tài sản xảy ra trong quá trình kinh doanh sau khi được bù đắp bằng tiền bồi thường của tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất và của tổ chức bảo hiểm, sử dụng quỹ bảo vệ nhà đầu tư và sử dụng dự phòng trích lập trong chi phí.
- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ trích lập để bổ sung vốn điều lệ.

(b) Quỹ khen thưởng phúc lợi

Công ty trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi từ LNST TNDN của Công ty và công ty con và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng cho công tác khen thưởng, khuyến khích, cải thiện và nâng cao phúc lợi cho nhân viên của Công ty và công ty con.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024****4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****4.16 Ghi nhận doanh thu****(a) Doanh thu hoạt động nghiệp vụ và cung cấp dịch vụ khác**

Doanh thu hoạt động nghiệp vụ bao gồm doanh thu phát sinh trong năm tài chính từ hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư, thu phí thường hoạt động do quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán và các nhà đầu tư thường cho Công ty, bao gồm:

- Doanh thu hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán: là khoản thu phí mà Công ty được hưởng từ hoạt động quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán, được tính hàng tháng dựa trên giá trị tài sản ròng của mỗi quỹ vào ngày cuối tháng.
- Doanh thu hoạt động quản lý danh mục: là khoản phí mà Công ty được hưởng từ việc quản lý danh mục đầu tư chứng khoán cho nhà đầu tư ủy thác, được tính theo quy định của hợp đồng dịch vụ.
- Doanh thu từ phí phát hành: là khoản thu về phí mà Công ty được hưởng từ các giao dịch phát hành chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư, được tính dựa trên giá trị giao dịch mua chứng chỉ quỹ thành công.
- Doanh thu từ phí thưởng hoạt động: là khoản tiền thưởng mà Công ty được hưởng khi tỷ lệ tăng trưởng giá trị tài sản ròng của quỹ đầu tư chứng khoán do Công ty quản lý tăng cao hơn so với một tỷ lệ tham chiếu được nhà đầu tư chấp thuận.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

(b) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện:

- Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Thu nhập lãi được xác định tương đối chắc chắn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024****4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****4.16 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)****(c) Thu nhập từ cổ tức/lợi nhuận được chia**

Thu nhập từ cổ tức/lợi nhuận được chia được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi Công ty và công ty con xác lập quyền nhận cổ tức/lợi nhuận từ các đơn vị đầu tư và khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Thu nhập được xác định tương đối chắc chắn.

(d) Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán

Lãi hoặc lỗ từ thanh lý, nhượng bán chứng khoán là khoản chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của chứng khoán được thanh lý, nhượng bán. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động tại thời điểm bán.

4.17 Chi phí hoạt động kinh doanh

Chi phí hoạt động kinh doanh được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Chi phí hoạt động kinh doanh là các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến hoạt động nghiệp vụ của Công ty và công ty con, chủ yếu bao gồm chi phí nhân viên, chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí môi giới, chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác.

4.18 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm tài chính chủ yếu bao gồm các khoản chi phí hợp tác kinh doanh, chi phí lãi vay, các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính và dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

4.19 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty và công ty con.

4.20 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN của năm tài chính hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của năm tài chính phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế TNDN phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng năm tài chính hay một năm tài chính khác.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024****4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****4.20 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại (tiếp theo)**

Thuế TNDN hoãn lại, sử dụng phương thức công nợ, được tính đầy đủ dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế TNDN tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế TNDN trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

4.21 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty và công ty con hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty và công ty con, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty và công ty con, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, Công ty mẹ và công ty con, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc của Công ty và công ty con, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

4.22 Ước tính kế toán trọng yếu

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất áp dụng cho các công ty quản lý quỹ đang hoạt động tại Việt Nam yêu cầu Người đại diện theo pháp luật phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các khoản tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất và được Người đại diện theo pháp luật đánh giá là hợp lý.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024**

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.23 Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư số 125/2011/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 5 tháng 9 năm 2011 hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ không được thể hiện trên báo cáo tài chính hợp nhất này thì được hiểu là có số dư bằng không.

5 HỢP NHẤT KINH DOANH

5.1 Góp thêm vốn làm thay đổi tỷ lệ sở hữu tại Camellia, một công ty con hiện hữu

Ngày 29 tháng 2 năm 2024, TVS đã chuyển nhượng 675.000 cổ phần, tương đương với 15% vốn của Camellia cho Finsight.

Ngày 25 tháng 6 năm 2024, Finsight đã chuyển nhượng 2.800.000 cổ phần, tương đương với 62,22% vốn của Camellia cho TVAM và chuyển nhượng 80.000 cổ phần, tương đương 1,78% vốn của Camellia cho TVS.

Ngày 26 tháng 6 năm 2024, TVAM đã góp thêm 2.300.000 cổ phần với số tiền 23 tỷ Đồng. Sau các giao dịch này, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Camellia tăng lên 98,49%.

5.2 Bán Finsight

Theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 26 tháng 6 năm 2024, Công ty đã bán 42,68% cổ phần sở hữu tại Finsight với tổng giá trị chuyển nhượng là 78.138.354.000 Đồng. Giao dịch này đã làm thay đổi tỷ lệ sở hữu tại Finsight, giảm tỷ lệ lợi ích của Công ty và công ty con từ 91,37% xuống 48,69% và chuyển khoản đầu tư này sang đầu tư vào công ty liên kết. Khoản lãi 1.154.754.000 Đồng là chênh lệch giữa giá trị chuyển nhượng và giá trị tài sản thuần của Finsight được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY
TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

6.1 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	2024 VND	2023 VND
Tiền mặt	10.097.088	22.586.802
Tiền gửi ngân hàng	946.531.995	63.915.450.793
Các khoản tương đương tiền (*)	3.000.000.000	100.000.000.000
	<u>3.956.629.083</u>	<u>163.938.037.595</u>

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc 1 tháng và hưởng lãi suất 3,45%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 4,30% - 4,40%/năm).

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THIÊN VIỆT

Mẫu số B09 – CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

6.2 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

(a) Đầu tư ngắn hạn

	Tại ngày 31.12.2024			Tại ngày 31.12.2023		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Chứng chỉ quỹ niêm yết (*)	-	-	-	33.325.000.000	40.125.000.000	-
Quỹ đầu tư tăng trưởng Thiên Việt 3	-	-	-	13.125.000.000	18.125.000.000	-
Quỹ đầu tư tăng trưởng Thiên Việt 5	-	-	-	20.200.000.000	22.000.000.000	-
Cổ phiếu không niêm yết	288.358.989.414	(***)	-	430.058.472.164	(***)	-
Công ty Cổ phần Finhay Việt Nam	134.359.409.660	(***)	-	134.359.409.660	(***)	-
Công ty Cổ phần Galaxy Education	100.747.206.391	(***)	-	250.791.122.337	(***)	-
Công ty Cổ phần Giải trí và Giáo dục Galaxy	33.261.456.732	(***)	-	29.632.968.000	(***)	-
Công ty Cổ phần Công Nghệ Nami	19.990.916.631	(***)	-	15.274.972.167	(***)	-
Đầu tư vào công cụ nợ của doanh nghiệp (i)	25.000.000.000	25.000.000.000	-	14.000.000.000	14.000.000.000	-
Trái phiếu niêm yết (*)	-	-	-	320.058.859.452	320.058.859.452	-
Trái phiếu tổ chức tín dụng	-	-	-	302.917.259.452	302.917.259.452	-
Trái phiếu doanh nghiệp	-	-	-	17.141.600.000	17.141.600.000	-
Trái phiếu không niêm yết (**)	-	-	-	768.273.954.672	768.273.954.672	-
Trái phiếu tổ chức tín dụng	-	-	-	748.414.952.056	748.414.952.056	-
Trái phiếu doanh nghiệp	-	-	-	19.859.002.616	19.859.002.616	-
Chứng chỉ tiền gửi (**)	-	-	-	1.765.864.864.784	1.765.864.864.784	-
Hợp đồng tiền gửi (**)	-	-	-	1.771.820.234.246	1.771.820.234.246	-
	313.358.989.414		-	5.103.401.385.318		-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024**

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

6.2 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(a) Đầu tư ngắn hạn (tiếp theo)

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, đây là khoản đầu tư vào công cụ nợ có chuyển đổi có kỳ hạn còn lại là 10,5 tháng, hưởng lãi suất 15%/năm, khoản đầu tư này được đảm bảo bởi cổ phần của các công ty liên quan.
- (*) Giá trị hợp lý của chứng chỉ quỹ niêm yết được xác định dựa trên giá đóng cửa của chứng chỉ quỹ tại ngày giao dịch gần nhất có giao dịch tính đến ngày báo cáo. Giá trị hợp lý của trái phiếu niêm yết được xác định dựa trên giá đóng cửa của trái phiếu trên sàn giao dịch trái phiếu tại ngày giao dịch gần nhất có giao dịch tính đến ngày báo cáo.
- (**) Giá trị hợp lý của trái phiếu không niêm yết, chứng chỉ tiền gửi và hợp đồng tiền gửi được xác định bằng giá gốc theo chính sách định giá của Công ty và công ty con và tổng lãi dự thu của các tài sản tài chính này được hạch toán vào tài khoản riêng trong khoản mục “Phải thu khác (Thuyết minh 6.5)”.
- (***) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty và công ty con chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất vì các khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024**

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

6.2 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) Đầu tư vào công ty liên kết

	Tại ngày 31.12.2024			Tại ngày 31.12.2023		
	Giá ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Finsight (i)	99.155.659.397	(*)	-	-	-	-

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, đây là khoản đầu tư vào 48,69% phần vốn chủ sở hữu của Công ty Cổ phần Finsight, một công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0316449345 thay đổi gần nhất (lần thứ 4) do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16 tháng 9 năm 2024.

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào công ty liên kết để thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất vì khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Biến động về đầu tư vào công ty liên kết trong năm như sau:

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	-	-
Chuyển từ công ty con	87.816.400.000	-
Phản lợi nhuận đã phân bổ	11.339.259.397	-
Số dư cuối năm	99.155.659.397	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024**

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

6.2 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(c) Đầu tư dài hạn khác

	Tại ngày 31.12.2024			Tại ngày 31.12.2023		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Cổ phiếu ưu đãi cổ tức và hoàn lại (i)	208.001.069.863	208.001.069.863	-	-	-	-
Đầu tư vào công cụ nợ dài hạn	96.474.176.000	96.474.176.000	-	200.000.000.000	200.000.000.000	-
Của doanh nghiệp	61.150.000.000	61.150.000.000	-	200.000.000.000	200.000.000.000	-
- Bên thứ ba (ii)	61.150.000.000	61.150.000.000	-	-	-	-
- Bên liên quan (Thuyết minh 8(b))	-	-	-	200.000.000.000	200.000.000.000	-
Của cá nhân (Thuyết minh 8(b)) (iii)	35.324.176.000	35.324.176.000	-	-	-	-
Trái phiếu niêm yết (*)	-	-	-	300.209.790.000	300.209.790.000	-
Trái phiếu tổ chức tín dụng	-	-	-	300.209.790.000	300.209.790.000	-
Trái phiếu không niêm yết (**)	-	-	-	916.275.000.000	916.275.000.000	-
Trái phiếu tổ chức tín dụng	-	-	-	716.275.000.000	716.275.000.000	-
Trái phiếu doanh nghiệp (Thuyết minh 8(b))	-	-	-	200.000.000.000	200.000.000.000	-
Chứng chỉ tiền gửi (**)	-	-	-	277.733.287.700	277.733.287.700	-
Hợp đồng tiền gửi (**)	-	-	-	215.000.000.000	215.000.000.000	-
	304.475.245.863	304.475.245.863	-	1.909.218.077.700	1.909.218.077.700	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024**

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

6.2 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(c) Đầu tư dài hạn khác (tiếp theo)

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, đây khoản đầu tư mua 13.700.000 cổ phiếu ưu đãi cổ tức và hoàn lại của Công ty Cổ phần Finsight (công ty liên kết). Theo đó, Finsight có nghĩa vụ mua lại cổ phần sau 5 năm kể từ ngày phát hành với giá mua lại bằng mệnh giá. Cổ tức được trả là cổ tức cố định là 7,5% cho 6 tháng cuối năm 2024 và tỷ lệ cho các năm tiếp theo là 15%/năm.
- (ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, bao gồm: một khoản đầu tư vào công cụ nợ có chuyển đổi với số tiền là 10 tỷ Đồng, kỳ hạn còn lại 15 tháng và hưởng lãi suất 15%/năm với tài sản thế chấp là cổ phần của các công ty liên quan; một khoản đầu tư vào công cụ nợ tín chấp có chuyển đổi với số tiền là 21,150 tỷ Đồng, kỳ hạn còn lại 14 tháng và hưởng lãi suất 15%/năm; và một khoản đầu tư vào công cụ nợ với số tiền là 30 tỷ Đồng, kỳ hạn còn lại 17 tháng và hưởng lãi suất 18%/năm với tài sản thế chấp là cổ phần của các công ty liên quan.
- (iii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, đây là khoản đầu tư vào công cụ nợ với bên liên quan có bảo lãnh từ một cá nhân khác, với kỳ hạn còn lại từ 14 - 15 tháng, hưởng lãi suất 5,5%/năm.
- (*) Giá trị hợp lý của trái phiếu niêm yết được xác định dựa trên giá đóng cửa của trái phiếu trên sàn giao dịch trái phiếu tại ngày giao dịch gần nhất có giao dịch tính đến ngày báo cáo.
- (**) Giá trị hợp lý của trái phiếu không niêm yết, chứng chỉ tiền gửi và hợp đồng tiền gửi được xác định bằng giá gốc theo chính sách định giá của Công ty và công ty con và tổng lãi dự thu của các tài sản tài chính này được hạch toán vào tài khoản riêng trong khoản mục "Phải thu khác (Thuyết minh 6.5)".

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024**

**6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY
TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

6.3 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	2024 VND	2023 VND
Phải thu từ bán chứng khoán kinh doanh (*)	218.922.886.900	-
Phải thu tiền bán trái phiếu từ Ngân hàng		
TMCP Lọc Phát Việt Nam	-	43.720.000.000
Khác	-	474.666.421
	<u>218.922.886.900</u>	<u>44.194.666.421</u>

(*) Đây là khoản phải thu từ hợp đồng chuyển nhượng 3.541.402 cổ phần của Công ty Cổ phần Galaxy Education giữa công ty con và ông Vũ Thành Trung. Công ty con đã thu hồi khoản phải thu này trong tháng 2 năm 2025.

6.4 PHẢI THU HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ

	2024 VND	2023 VND
Phải thu từ hoạt động quản lý danh mục		
- Bên thứ ba	5.464.760.742	9.798.004.321
- Bên liên quan (Thuyết minh (8(b)))	22.201.003.802	3.909.801.780
	<u>27.665.764.544</u>	<u>13.707.806.101</u>

6.5 PHẢI THU KHÁC

(a) Ngắn hạn

	2024 VND	2023 VND
Dự thu cổ tức từ cổ phiếu ưu đãi cổ tức và hoàn lại (Thuyết minh 8(b))	10.172.054.795	-
Dự thu lãi	1.074.657.534	220.583.867.355
Phải thu từ đối tác trung gian thanh toán	-	114.187.711.101
Khác	3.188.302	2.508.063.114
	<u>11.249.900.631</u>	<u>337.279.641.570</u>

(b) Dài hạn

	2024 VND	2023 VND
Lãi phải thu cho vay		
Bên thứ ba	2.142.513.699	-
Bên liên quan (Thuyết minh 8(b))	1.529.949.331	-
	<u>3.672.463.030</u>	<u>-</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024**

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

6.6 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/ PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Biến động về thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước như sau:

	Tại ngày 1.1.2024 VND	Số phải thu/ phải nộp trong năm VND	Số đã căn trừ/ thực nộp trong năm VND	Giảm do thoái vốn công ty con VND	Tại ngày 31.12.2024 VND
(a) Phải thu					
Thuế GTGT	69.488.009	481.407.126	(360.190.802)	(50.341.559)	140.362.774
(b) Phải trả					
Thuế TNDN	8.393.176.491	43.018.152.345	(14.901.176.489)	(7.386.964.998)	29.123.187.349
Thuế thu nhập cá nhân	5.696.866.451	13.125.516.022	(17.522.859.428)	(1.178.785.141)	120.737.904
Thuế GTGT	-	86.363.636	(86.363.636)	-	-
Thuế khác	-	82.423.948	(82.423.948)	-	-
	14.090.042.942	56.312.455.951	(32.592.823.501)	(8.565.750.139)	29.243.925.253

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY
TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

6.7 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	2024		2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Bên thứ ba	50.000.000	50.000.000	27.850.897.770	27.850.897.770
Bên liên quan (Thuyết minh 8(b))	490.909.243.093	490.909.243.093	47.550.431.654	47.550.431.654
	<u>490.959.243.093</u>	<u>490.959.243.093</u>	<u>75.401.329.424</u>	<u>75.401.329.424</u>

6.8 PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 bao gồm lương kinh doanh phải trả cho người lao động.

6.9 PHẢI TRẢ KHÁC

(a) Ngắn hạn

	2024 VND	2023 VND
Cổ tức phải trả (*)	25.225.500.000	-
Phải trả từ hợp đồng hợp tác kinh doanh (Thuyết minh 4.5)		
Với đối tác theo BCC chia lợi nhuận cố định	-	6.669.946.202.116
Với đối tác theo BCC chia lợi nhuận theo kết quả kinh doanh	-	160.687.878.661
Phải trả khác	-	27.613.000
	<u>25.225.500.000</u>	<u>6.830.661.693.777</u>

(*) Đây là khoản tạm ứng cổ tức phải trả cho cổ đông theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông bất thường số 311224/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 31 tháng 12 năm 2024 (Thuyết minh 6.13).

(b) Dài hạn

	2024 VND	2023 VND
Phải trả từ hợp đồng hợp tác kinh doanh (Thuyết minh 4.5)		
Phải trả từ hợp đồng hợp tác kinh doanh với cá nhân theo BCC chia lợi nhuận theo kết quả kinh doanh	-	100.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THIÊN VIỆT

Mẫu số B09 – CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

6.10 VAY

(a) Ngắn hạn

	Tại ngày 1.1.2024 VND	Tăng VND	Giảm VND	Giảm do thoái vốn công ty con	Tại ngày 31.12.2024 VND
Bên thứ ba					
Vay doanh nghiệp (*)	-	2.300.000.000	-	-	2.300.000.000
Vay cá nhân	8.000.000.000	-	(8.000.000.000)	-	-
	<u>8.000.000.000</u>	<u>2.300.000.000</u>	<u>(8.000.000.000)</u>	<u>-</u>	<u>2.300.000.000</u>

(*) Đây là hợp đồng vay tín chấp với Công ty TNHH Pontis theo Hợp đồng số 03.2024/CAMELLIA-PONTIS ký ngày 30 tháng 12 năm 2024, kỳ hạn gốc 1 năm và chịu lãi suất 6%/năm cho mục đích bổ sung vốn lưu động.

(b) Dài hạn

	Tại ngày 1.1.2024 VND	Tăng VND	Giảm VND	Giảm do thoái vốn công ty con	Tại ngày 31.12.2024 VND
Vay cá nhân - Bên liên quan (Thuyết minh 8(b))	83.470.000.000	-	-	(83.470.000.000)	-
	<u>83.470.000.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>(83.470.000.000)</u>	<u>-</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024**

**6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY
TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

6.11 QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	2024 VND	2023 VND
Số đầu năm	5.671.167.193	5.671.167.193
Trích trong năm (Thuyết minh 6.13)	8.830.009.569	-
Hoàn nhập trong năm (Thuyết minh 6.13)	(13.872.782.458)	-
Số cuối năm	628.394.304	5.671.167.193

6.12 VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phiếu phổ thông

	Tại ngày	
	31.12.2024 Cổ phiếu phổ thông	31.12.2023 Cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phiếu đã đăng ký	12.500.000	12.500.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và đang lưu hành	12.500.000	12.500.000

(b) Chi tiết và tình hình biến động của vốn cổ phần

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 Đồng trên một cổ phiếu.

Tất cả các cổ phiếu của Công ty là cổ phiếu phổ thông, đều có các quyền giống nhau về quyền biểu quyết, hưởng cổ tức, hoàn vốn, hay các quyền khác.

Chi tiết cổ đông và tỷ lệ sở hữu tại ngày cuối năm như sau:

	Tại ngày 31.12.2024			Tại ngày 31.12.2023		
	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu %	Vốn đã góp VND	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu %	Vốn đã góp VND
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt	12.480.000	99,84	124.800.000.000	12.480.000	99,84	124.800.000.000
Nguyễn Thanh Thảo	10.000	0,08	100.000.000	10.000	0,08	100.000.000
Lê Quang Tiến	10.000	0,08	100.000.000	10.000	0,08	100.000.000
	12.500.000	100,00	125.000.000.000	12.500.000	100,00	125.000.000.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024**

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

6.13 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	LNST chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	125.000.000.000	1.755.891.311	1.755.891.311	181.781.691.011	21.785.697.029	332.079.170.662
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	93.531.679.452	7.846.932.708	101.378.612.160
Thay đổi tỷ lệ của công ty con đã nắm quyền kiểm soát	-	-	-	-	6.975.000.000	6.975.000.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	125.000.000.000	1.755.891.311	1.755.891.311	275.313.370.463	36.607.629.737	440.432.782.822
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	178.389.652.478	5.412.961.950	183.802.614.428
Công ty con chia cổ tức	-	-	-	-	(18.002.293.040)	(18.002.293.040)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	-	-	(8.830.009.569)	-	(8.830.009.569)
Chia cổ tức năm 2023 (i)	-	-	-	(117.000.000.000)	-	(117.000.000.000)
Tạm ứng cổ tức năm 2024 đợt 1 (ii)	-	-	-	(15.625.000.000)	-	(15.625.000.000)
Tạm ứng cổ tức năm 2024 đợt 2 (iii)	-	-	-	(25.000.000.000)	(225.500.000)	(25.225.500.000)
Hoàn nhập quỹ khen thưởng phúc lợi (iv)	-	-	-	13.872.782.458	-	13.872.782.458
Giảm do thoái vốn công ty con	-	-	-	-	(15.560.000.000)	(15.560.000.000)
Thay đổi tỷ lệ của công ty con đã nắm quyền kiểm soát	-	-	-	(17.487.163)	(5.932.512.837)	(5.950.000.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	125.000.000.000	1.755.891.311	1.755.891.311	301.103.308.667	2.300.285.810	431.915.377.099

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024**

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

6.13 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

- (i) Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 2703/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 3 năm 2024 thông qua:
 - Mức trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi là 8.830.009.569 Đồng, tương đương 7% LSNT chưa phân phối đến cuối năm 2023.
 - Phương án trả cổ tức bằng tiền năm 2023 cho cổ đông, tỷ lệ thực hiện 93,6%/cổ phiếu (01 cổ phiếu nhận được 9.360 Đồng) từ nguồn LNST chưa phân phối đến cuối năm 2023. Công ty đã thực hiện thanh toán cổ tức vào ngày 27 và ngày 28 tháng 6 năm 2024.
- (ii) Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông bất thường số 2806/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 6 năm 2024 đã thông qua việc tạm ứng cổ tức bằng tiền năm 2024 đợt 1 cho cổ đông, tỷ lệ thực hiện 12,5%/cổ phiếu (01 cổ phiếu nhận được 1.250 Đồng). Công ty đã thực hiện thanh toán cổ tức vào ngày 20 tháng 9 năm 2024 và ngày 16 tháng 12 năm 2024.
- (iii) Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông bất thường số 3112/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã thông qua việc tạm ứng cổ tức bằng tiền năm 2024 đợt 2 cho cổ đông, tỷ lệ thực hiện 20%/cổ phiếu (01 cổ phiếu nhận được 2.000 Đồng). Công ty đã thực hiện thanh toán đợt cổ tức này vào tháng 3 năm 2025.
- (iv) Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông bất thường số 3005/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30 tháng 5 năm 2024 đã thông qua việc hoàn nhập toàn bộ các khoản đã trích cho Quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2021 với số tiền là 5.042.772.889 Đồng và năm 2023 với số tiền là 8.830.009.569 Đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024**

**6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY
TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

6.14 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

(a) Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác

(i) Nhà đầu tư ủy thác trong nước

	Tại ngày	
	31.12.2024	31.12.2023
	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết	1.028.364.591.015	610.609.959.065
Cổ phiếu niêm yết bị suy giảm giá trị	337.154.317.581	261.778.119.825
- SSI	80.645.410.100	-
- MSN	34.048.908.500	-
- VNM	-	74.128.259.925
- Các loại mã chứng khoán khác	222.459.998.981	187.649.859.900
Cổ phiếu niêm yết không bị suy giảm giá trị	691.210.273.434	348.831.839.240
Cổ phiếu chưa niêm yết	64.781.068.942	50.476.459.122
Cổ phiếu chưa niêm yết bị suy giảm giá trị	-	10.731.903.000
- QTP	-	10.731.903.000
Cổ phiếu chưa niêm yết không bị suy giảm giá trị	64.781.068.942	39.744.556.122
Chứng chỉ quỹ niêm yết	130.096.930.470	157.311.905.942
Chứng chỉ quỹ niêm yết bị suy giảm giá trị	9.938.458.047	48.311.905.942
- FUESSV50	5.475.374.226	25.096.453.712
- FUESSV30	4.463.083.821	12.326.747.202
- FUESSVFL	-	10.888.705.028
Chứng chỉ quỹ niêm yết không bị suy giảm giá trị	120.158.472.423	109.000.000.000
Chứng chỉ quỹ không niêm yết	53.695.996.798	108.285.560.054
Chứng chỉ quỹ không niêm yết không bị suy giảm giá trị	53.695.996.798	108.285.560.054
Trái phiếu niêm yết	825.524.621.368	55.020.509.500
Trái phiếu niêm yết bị suy giảm giá trị	-	5.090.200.000
Trái phiếu niêm yết không bị suy giảm giá trị	825.524.621.368	49.930.309.500
Trái phiếu chưa niêm yết đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội	565.960.459.037	172.531.857.142
Trái phiếu không niêm yết (*)	207.387.088.201	209.576.100.000
Chứng chỉ tiền gửi	3.585.977.642.734	475.454.822.606
Hợp đồng tiền gửi	3.375.985.000.000	506.000.000.000
Tổng giá trị danh mục	9.837.773.398.565	2.345.267.173.431

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024**

**6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY
TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

6.14 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

(a) Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác (tiếp theo)

(i) Nhà đầu tư ủy thác trong nước (tiếp theo)

(*) Chi tiết số dư danh mục đầu tư trái phiếu doanh nghiệp không niêm yết có rủi ro của các nhà đầu tư ủy thác trong nước như sau:

	Tại ngày	
	31.12.2024	31.12.2023
	VND	VND
Trái phiếu doanh nghiệp không niêm yết	7.394.007.379	5.899.600.000

Các nhà đầu tư ủy thác có các mô hình định giá khác nhau và giá trị hợp lý của các trái phiếu này theo các mô hình định giá đó có thể khác nhau.

(ii) Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài

	Tại ngày	
	31.12.2024	31.12.2023
	VND	VND
Cổ phiếu không niêm yết	2.397.851.435	2.397.851.435

(b) Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác

	Tại ngày	
	31.12.2024	31.12.2023
	VND	VND
Phải thu lãi tiền gửi, lãi từ chứng khoán kinh doanh (*)	253.246.924.310	71.304.458.766
Phải thu bán chứng khoán	21.548.185.605	12.569.630.404
Phải thu cổ tức	-	2.421.650.000
Phải thu khác, tài sản khác	415.384.714	1.495.439.987
	275.210.494.629	87.791.179.157

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, khoản phải thu bao gồm lãi hợp đồng tiền gửi với số tiền là 4.863.287.671 Đồng đã được ghi có vào tài khoản trung gian của Công ty tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành (ngân hàng lưu ký) vào ngày 30 tháng 12 năm 2023. Số tiền lãi trên đã được phân bổ đến tài khoản ngân hàng của nhà đầu tư vào ngày 3 tháng 1 năm 2024.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024**

**6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY
TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

6.14 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

(c) Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác

	Tại ngày	
	31.12.2024 VND	31.12.2023 VND
Phải trả phí quản lý danh mục	27.665.764.541	9.798.004.321
Phải trả tiền mua chứng khoán	2.180.000.000	5.821.500.000
Phải trả phí khác	9.436.962.667	74.626.616
	<u>39.282.727.208</u>	<u>15.694.130.937</u>

6.15 DOANH THU THUẦN VỀ HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ

	2024 VND	2023 VND
Doanh thu từ hoạt động quản lý danh mục	35.702.874.116	13.705.040.066
- Bên thứ ba	6.789.848.963	7.405.621.931
- Bên liên quan (Thuyết minh 8(a))	28.913.025.153	6.299.418.135
Doanh thu hoạt động quản lý quỹ (Thuyết minh 8(a))	6.387.063.691	8.514.191.474
Phí phát hành chứng chỉ quỹ (Thuyết minh 8(a))	-	1.728.000.000
	<u>42.089.937.807</u>	<u>23.947.231.540</u>

6.16 CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	2024 VND	2023 VND
Chi phí nhân viên	10.385.077.051	16.370.668.803
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.675.288.422	798.094.190
Phí môi giới	790.000.000	954.321.000
Các chi phí khác	1.491.272.312	1.487.316.874
	<u>14.341.637.785</u>	<u>19.610.400.867</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024**

**6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY
TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

6.17 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2024 VND	2023 VND
Thu nhập lãi	271.353.809.370	538.805.182.888
Lãi từ bán các khoản đầu tư tài chính	156.861.736.285	20.738.237.471
Cổ tức từ cổ phiếu ưu đãi cổ tức và hoàn lại	9.413.424.658	-
Lãi kinh doanh hợp đồng phái sinh	7.813.369.847	12.865.410.679
Cổ tức, lợi nhuận được chia (Thuyết minh 8(a))	1.250.000.000	-
	<u>446.692.340.160</u>	<u>572.408.831.038</u>

6.18 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2024 VND	2023 VND
Chi phí hợp tác kinh doanh với người dùng	232.966.466.597	405.686.852.496
Chi phí lãi vay	4.253.773.150	28.132.931.361
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	-	(1.792.296.696)
Lỗ từ bán chứng khoán kinh doanh	-	216.027.833
Khác	408.573.492	1.031.311.500
	<u>237.628.813.239</u>	<u>433.274.826.494</u>

6.19 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2024 VND	2023 VND
Chi phí nhân viên	14.992.019.631	11.873.673.638
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.831.485.658	2.736.847.722
Khác	1.869.123.871	2.051.435.854
	<u>19.692.629.160</u>	<u>16.661.957.214</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024**

**6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY
TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

6.20 THUẾ TNDN

Số thuế TNDN trên lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty và công ty con khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% như sau:

	2024 VND	2023 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	227.108.372.391	126.777.681.177
Thuế tính ở thuế suất 20%	45.421.674.477	25.355.536.236
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	(2.267.464.289)	-
Chi phí không được khấu trừ	170.740.556	24.340.000
Lỗ tính thuế đã được sử dụng	(19.192.781)	-
Lỗ tính thuế mà không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	19.192.781
Chi phí thuế TNDN (*)	43.305.757.963	25.399.069.017
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:		
Thuế TNDN - hiện hành	43.018.152.345	25.703.856.584
Thuế TNDN - hoãn lại	287.605.618	(304.787.567)
	43.305.757.963	25.399.069.017

(*) Chi phí thuế TNDN trong năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024**

**6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY
TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

6.21 LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và cổ tức của cổ phiếu ưu đãi, chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm tài chính, điều chỉnh cho cổ phiếu thưởng phát hành trong năm tài chính trừ đi cổ phiếu quỹ. Chi tiết như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2024 VND	31.12.2023 VND
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	178.389.652.478	93.531.679.452
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	12.500.000	12.500.000
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	14.271	7.483

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Công ty và công ty con không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng có tác động suy giảm trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này. Do đó, lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

6.22 THUYẾT MINH CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BCLCTT HỢP NHẤT

Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến BCLCTT hợp nhất như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2024 VND	31.12.2023 VND
Lãi nhập gốc khoản đầu tư công cụ nợ	9.000.000.000	-
Chuyển đổi khoản cho vay thành khoản đầu tư cổ phiếu chưa niêm yết	-	230.091.122.337
Lãi nhập gốc khoản cho vay	-	30.000.000.000
Lãi nhập gốc khoản vay	-	15.165.000.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024****7 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH**

Các hoạt động của Công ty và công ty con có thể chịu một số rủi ro bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nhìn chung, các chính sách quản lý rủi ro của Công ty và công ty con là nhằm giảm thiểu ảnh hưởng bất lợi tiềm tàng từ các rủi ro này đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và công ty con.

(a) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro giá trị hợp lý hoặc lưu chuyển tiền tệ tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo sự biến động của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro giá.

(i) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Công ty và công ty con sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có các mức lãi suất sao cho có lợi nhất cho mục đích của Công ty mà vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro.

Phần lớn các khoản tiền gửi ngân hàng, chứng chỉ tiền gửi, đầu tư trái phiếu, cho vay và đi vay của Công ty và công ty con đều có lãi suất cố định.

(ii) Rủi ro giá

Rủi ro giá là rủi ro mà giá trị của công cụ tài chính bị sụt giảm do sự thay đổi của chỉ số chứng khoán và giá trị của từng loại chứng khoán.

Công ty và công ty con đầu tư vào chứng chỉ quỹ niêm yết mà giá trị của các chứng khoán này sẽ bị ảnh hưởng bởi rủi ro biến động của giá thị trường trong tương lai. Công ty và công ty con không chịu rủi ro về giá hàng hóa.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, danh mục đầu tư của Công ty không còn các chứng khoán niêm yết và tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 nếu giá chứng khoán niêm yết (chứng chỉ quỹ niêm yết) tăng/giảm 10%, trong khi tất cả các biến số khác (kể cả thuế suất) giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 cao/thấp hơn 4.012.500.000 Đồng.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Công ty và công ty con phải gánh chịu tổn thất tài chính do một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký với Công ty và công ty con. Rủi ro này chủ yếu phát sinh từ tiền gửi ngân hàng, đầu tư trái phiếu và các khoản phải thu.

Công ty và công ty con theo dõi rủi ro mất khả năng chi trả của khách hàng và các đối tác khác, bao gồm cá nhân và tổ chức, và kết hợp thông tin này với việc quản lý rủi ro tín dụng. Công ty và công ty con có chính sách là chỉ giao dịch với các đối tác tin cậy.

Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và chưa tính đến tài sản thế chấp cũng như các biện pháp đảm bảo khác.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024**

7 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

(i) Số dư với tổ chức tín dụng

Số dư với tổ chức tín dụng (ngân hàng và công ty tài chính) bao gồm tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi và lãi dự thu.

Tất cả các khoản tiền gửi ngân hàng và chứng chỉ tiền gửi của Công ty và công ty con được gửi tại các tổ chức tín dụng mà Công ty và công ty con tín nhiệm. Số dư với các tổ chức tín dụng được theo dõi thường xuyên bởi bộ phận kinh doanh nguồn vốn theo chính sách của Công ty và công ty con và báo cáo định kỳ cho Người đại diện theo pháp luật. Công ty và công ty con nhận định rủi ro tín dụng liên quan đến số dư với các tổ chức tín dụng là thấp.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, không có số dư nào với các tổ chức tín dụng nào bị quá hạn mà chưa thu hồi hoặc bị suy giảm giá trị.

(ii) Trái phiếu

Trái phiếu thuộc danh mục đầu tư tài chính của Công ty là các trái phiếu được phát hành bởi tổ chức có phương án phát hành được phê duyệt bởi UBCKNN. Các đề xuất đầu tư vào các trái phiếu này được phê duyệt theo chính sách đầu tư của Công ty và công ty con.

Danh mục đầu tư vào trái phiếu được theo dõi thường xuyên bởi bộ phận kinh doanh nguồn vốn và báo cáo định kỳ cho Người đại diện theo pháp luật. Công ty nhận định rủi ro tín dụng liên quan đến các trái phiếu của Công ty và công ty con là thấp.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, danh mục đầu tư của Công ty không còn trái phiếu doanh nghiệp có rủi ro (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 1.609.007.494 Đồng).

(iii) Các khoản phải thu

Công ty giới hạn rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với đối tác mà Công ty và công ty con tín nhiệm và yêu cầu các biện pháp đảm bảo khi cần thiết.

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty và công ty con sẽ gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính. Chi tiết các khoản nợ tài chính của Công ty và công ty con theo dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu có thời gian ít hơn 1 năm tại ngày cuối năm tài chính như sau:

	Tại ngày	
	31.12.2024	31.12.2023
	VND	VND
Vay ngắn hạn	2.300.000.000	8.000.000.000
Phải trả người bán ngắn hạn	490.959.243.093	75.401.329.424
Chi phí phải trả ngắn hạn	137.756.164	6.728.106.820
Phải trả khác ngắn hạn	25.225.500.000	6.830.661.693.777
	<u>518.622.499.257</u>	<u>6.920.791.130.021</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024**

7 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(d) Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính

Giá trị hợp lý là giá trị mà một tài sản đó có thể được trao đổi, hoặc một khoản phải trả được thanh toán giữa các bên độc lập, am hiểu và tự nguyện theo nguyên tắc giao dịch sòng phẳng ngang giá tại ngày định giá.

Đối với các khoản đầu tư tài chính, giá trị hợp lý đã được trình bày ở Thuyết minh 6.2. Ngoài ra, giá trị ghi sổ của các tài sản và nợ phải trả tài chính khác xấp xỉ giá trị hợp lý do tính chất ngắn hạn của chúng.

8 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty được kiểm soát bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt do nắm giữ 99,84% vốn cổ phần của Công ty.

Chi tiết của các bên liên quan chính và mối quan hệ như sau:

Các bên liên quan	Quan hệ
Công ty Cổ phần Chứng Khoán Thiên Việt	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Camellia Wealth	Công ty con
Công ty Cổ phần Finsight	Công ty liên kết từ ngày 26 tháng 6 năm 2024 (trước đây là công ty con)
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 3	Quỹ do Công ty quản lý
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 4	Quỹ do Công ty quản lý
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 5	Quỹ do Công ty quản lý
Ban lãnh đạo	Thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT"), thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Ban Giám đốc của Công ty, Công ty mẹ, công ty con và các bên liên quan của các thành viên này.

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan phát sinh trong năm tài chính bao gồm:

Giao dịch với bên liên quan của Công ty

	2024 VND	2023 VND
<i>Doanh thu từ hoạt động quản lý danh mục (Thuyết minh 6.15)</i>		
Công ty Cổ phần Finsight	21.499.560.588	-
Công ty Cổ phần Chứng Khoán Thiên Việt	7.413.464.565	6.299.418.135
	<u>28.913.025.153</u>	<u>6.299.418.135</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024**

8 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

Giao dịch với bên liên quan của Công ty (tiếp theo)

	2024 VND	2023 VND
<i>Doanh thu từ hoạt động quản lý quỹ (Thuyết minh 6.15)</i>		
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 3	2.278.630.323	2.604.752.486
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 4	2.247.318.865	5.617.056.223
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 5	1.861.114.503	292.382.765
	<u>6.387.063.691</u>	<u>8.514.191.474</u>
<i>Phí phát hành chứng chỉ quỹ (Thuyết minh 6.15)</i>		
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 5	-	1.728.000.000
	<u>-</u>	<u>1.728.000.000</u>
<i>Chi phí lưu ký và chi phí giao dịch chứng khoán</i>		
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt	52.440.750	25.093.251
	<u>52.440.750</u>	<u>25.093.251</u>
<i>Cổ tức, lợi nhuận được chia (Thuyết minh 6.17)</i>		
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 3	1.250.000.000	-
	<u>1.250.000.000</u>	<u>-</u>
<i>Lãi bán chứng khoán kinh doanh</i>		
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt	162.500.000	291.639.625
	<u>162.500.000</u>	<u>291.639.625</u>
<i>Mua tài sản tài chính</i>		
Công ty Cổ phần Finsight	137.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt	46.396.778.000	-
	<u>183.396.778.000</u>	<u>-</u>
<i>Bán tài sản tài chính</i>		
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt	185.180.089.900	29.663.235.184
Ban lãnh đạo TVAM	742.785.560	-
	<u>185.922.875.460</u>	<u>29.663.235.184</u>
<i>Chia cổ tức cho cổ đông</i>		
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt	157.372.800.000	-
Ban lãnh đạo của TVS	126.100.000	-
	<u>157.498.900.000</u>	<u>-</u>
<i>Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt</i>		
Lương	2.928.609.091	3.641.700.000
	<u>2.928.609.091</u>	<u>3.641.700.000</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024**

8 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

Giao dịch với bên liên quan của công ty con

	2024 VND	2023 VND
<i>Thu nhập từ tài sản tài chính</i>		
Bên liên quan của thành viên HĐQT TVS (*)	12.456.267.957	47.928.518.133
Công ty Cổ phần Finsight	2.713.561.644	-
Ban lãnh đạo Finsight, TVAM	2.262.935.634	6.558.945.207
	<u>17.432.765.235</u>	<u>54.487.463.340</u>
<i>Chi phí giao dịch</i>		
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt	<u>34.694.494</u>	<u>86.303.400</u>
<i>Nhận tiền vay</i>		
Ban lãnh đạo Finsight, TVAM	-	104.337.500.000
Ban lãnh đạo TVS (*)	-	69.265.000.000
	<u>-</u>	<u>173.602.500.000</u>
<i>Trả tiền vay</i>		
Ban lãnh đạo Finsight, TVAM	-	171.295.000.000
Ban lãnh đạo TVS (*)	-	104.337.500.000
	<u>-</u>	<u>275.632.500.000</u>
<i>Chi phí lãi vay</i>		
Ban lãnh đạo TVS (*)	2.773.636.266	15.772.747.658
Ban lãnh đạo Finsight	262.465.752	674.521.918
	<u>3.036.102.018</u>	<u>16.447.269.576</u>
<i>Tăng tài sản tài chính</i>		
Công ty Cổ phần Chứng Khoán Thiên Việt	377.732.206.944	577.557.324.653
Công ty Cổ phần Finsight	100.747.206.391	-
Ban lãnh đạo Finsight, TVAM	96.924.176.000	505.700.000.000
Bên liên quan của thành viên HĐQT TVS (*)	-	130.000.000.000
	<u>575.403.589.335</u>	<u>1.213.257.324.653</u>

(*) Các bên/đối tượng này không còn là bên liên quan từ ngày 24 tháng 4 năm 2024.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

8 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

Giao dịch với bên liên quan của công ty con (tiếp theo)

	2024 VND	2023 VND
<i>Giảm tài sản tài chính</i>		
Ban lãnh đạo Finsight	27.000.000.000	505.700.000.000
Công ty Cổ phần Chứng Khoán Thiên Việt	198.576.411.110	338.373.798.879
Bên liên quan của thành viên HĐQT TVS (*)	-	73.800.000.000
	<u>225.576.411.110</u>	<u>917.873.798.879</u>
<i>Mua cổ phần Công ty con (Công ty Cổ phần Camellia)</i>		
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt	6.750.000.000	-
	<u>6.750.000.000</u>	<u>-</u>
<i>Chia cổ tức của Finsight</i>		
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt	17.354.395.603	-
Ban lãnh đạo Finsight	647.897.436	-
	<u>18.002.293.039</u>	<u>-</u>
<i>Tạm ứng cổ tức của Camellia</i>		
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt	176.000.000	-
Ban lãnh đạo Camellia	49.500.000	-
	<u>225.500.000</u>	<u>-</u>

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

	31.12.2024 VND	31.12.2023 VND
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 3	13.125.000.000	13.125.000.000
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 5	20.200.000.000	20.200.000.000
Bên liên quan của thành viên HĐQT TVS (*)	-	280.424.090.337
	<u>33.325.000.000</u>	<u>313.749.090.337</u>

(*) Các bên/đối tượng này không còn là bên liên quan từ ngày 24 tháng 4 năm 2024.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024**

8 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan (tiếp theo)

	31.12.2024 VND	31.12.2023 VND
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		
Công ty Cổ phần Finsight	208.001.069.863	-
Ban lãnh đạo TVS, TVAM	35.324.176.000	-
Bên liên quan của thành viên HĐQT TVS (*)	-	400.000.000.000
	<u>243.325.245.863</u>	<u>400.000.000.000</u>
Phải thu hoạt động nghiệp vụ (Thuyết minh 6.4)		
Công ty Cổ phần Finsight	22.201.003.802	-
Quỹ Đầu Tư Tăng Trưởng Thiên Việt 3	-	475.470.100
Quỹ Đầu Tư Tăng Trưởng Thiên Việt 4	-	3.434.331.680
	<u>22.201.003.802</u>	<u>3.909.801.780</u>
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 6.5(a))		
Công ty Cổ phần Finsight	10.172.054.795	-
Bên liên quan của thành viên HĐQT TVS (*)	-	38.501.882.096
Ban lãnh đạo TVS (*)	-	1.502.195.651
	<u>10.172.054.795</u>	<u>40.004.077.747</u>
Phải thu dài hạn khác (Thuyết minh 6.5 (b))		
Ban lãnh đạo Camellia	1.529.949.331	-
	<u>1.529.949.331</u>	<u>-</u>
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 6.7)		
Công ty Cổ phần Finsight	272.051.580.693	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt	218.857.662.400	47.550.431.654
	<u>490.909.243.093</u>	<u>47.550.431.654</u>
Phải trả ngắn hạn khác		
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt	24.960.000.000	-
Ban lãnh đạo TVS	20.000.000	156.867.378.660
	<u>24.980.000.000</u>	<u>156.867.378.660</u>
Phải trả dài hạn khác		
Ban lãnh đạo TVS (*)	-	100.000.000.000
	<u>-</u>	<u>100.000.000.000</u>
Vay dài hạn (Thuyết minh 6.10(b))		
Ban lãnh đạo TVS (*)	-	83.470.000.000
	<u>-</u>	<u>83.470.000.000</u>

(*) Các bên/đối tượng này không còn là bên liên quan từ ngày 24 tháng 4 năm 2024.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024**

9 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty và công ty con phải trả mức tối thiểu trong tương lai cho các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang, như sau:

	2024 VND	2023 VND
Dưới 1 năm	1.744.419.204	2.867.530.900
Từ 1 đến 5 năm	1.453.682.670	1.080.000.000
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	3.198.101.874	3.947.530.900

10 SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Không có sự kiện phát sinh sau ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cần điều chỉnh hoặc trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được Người đại diện theo pháp luật phê chuẩn để phát hành vào ngày 20 tháng 3 năm 2025.



Phạm Uyên Vy
Người lập



Nguyễn Thị Anh Tú
Kế toán trưởng



Đỗ Minh Tiến
Giám đốc khối Tài chính Kế toán
kiêm Kế toán trưởng (Công ty mẹ)
Chữ ký được ủy quyền
Ngày 20 tháng 3 năm 2025

